

BÁO CÁO

Sơ kết 03 tháng vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia

Thực nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Văn phòng Chính phủ xin báo cáo tình hình, kết quả 03 tháng quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tính đến ngày 11 tháng 3 năm 2020), cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết nối, tích hợp giữa Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia

a) Kết quả thực hiện

- Đã tích hợp đăng nhập một lần SSO với 11/22 bộ, ngành; 62/63 địa phương; 03 Tập đoàn, ngân hàng thương mại.

- Đã có 17/22 bộ, ngành; 60/63 địa phương bố trí máy chủ bảo mật SS.

- Đã có 14/22 bộ, ngành; 63/63 địa phương đồng bộ trạng thái hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ tra cứu, giám sát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp. Tính đến 12h30 ngày 11 tháng 03 năm 2020, có hơn 2,9 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái.

b) Tồn tại, hạn chế

- Còn 11/22 bộ, ngành (Tư pháp; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Công an; Quốc Phòng; Ngoại giao; Nội vụ; Giáo dục đào tạo, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước và Thanh tra Chính phủ) và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa hoàn thành việc tích hợp đăng nhập một lần SSO.

- Còn 5/22 bộ, ngành (Ngoại giao; Nội vụ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ), 3 tỉnh, thành phố (Lào Cai, Ninh Bình, Tuyên Quang) chưa bố trí máy chủ bảo mật SS.

- Còn 8/22 bộ, ngành (Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an; Quốc phòng; Ngoại giao; Nội vụ; Thông tin và Truyền thông; Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ) chưa thực hiện đồng bộ trạng thái hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện đồng bộ trạng thái hồ sơ, vẫn còn bộ, ngành, địa phương chưa đồng bộ đầy đủ hồ sơ thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết theo quy định (gồm cả hồ sơ trực tuyến, trực tiếp và qua bưu chính), thậm chí có bộ, ngành, địa phương có số lượng rất thấp như: Tính từ đầu năm đến 11 tháng 03 năm 2020, tỉnh Ninh Thuận mới đồng bộ được 110 hồ sơ trong tổng số 6.411 hồ sơ mà tỉnh đã tiếp nhận; tỉnh Hà Giang đồng bộ 132 hồ sơ trong 27.928 hồ sơ mà tỉnh tiếp nhận; tỉnh Vĩnh Long đồng bộ 183 hồ sơ trong 13.758 hồ sơ mà tỉnh tiếp nhận,... Nội dung đồng bộ của một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn có sai sót, chưa chính xác về địa chỉ cơ quan tiếp nhận theo mã số đơn vị, mã số hồ sơ chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP hay hồ sơ chưa gắn đúng mã thủ tục hành chính, như: Tỉnh Thái Nguyên có 116.845/119.830 hồ sơ chưa gắn mã định danh cơ quan tiếp nhận; Đồng Nai có 31.245/31.954 hồ sơ sai mã hồ sơ; Bình Phước có 5.274/12.060 hồ sơ sai mã thủ tục hành chính,...

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Kết quả thực hiện

- Tính từ thời điểm khai trương (mới chỉ đưa vào triển khai 08 nhóm dịch vụ công), đến nay, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia 161 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (trong đó: Lĩnh vực công thương 132 dịch vụ; điện lực 9 dịch vụ; giao thông vận tải 02 dịch vụ; tư pháp 02 dịch vụ; bảo hiểm xã hội 01 dịch vụ; tài chính 07 dịch vụ; công an 01 dịch vụ; khoa học công nghệ 01 dịch vụ; y tế 01 dịch vụ; xây dựng 02 dịch vụ; kế hoạch đầu tư 01 dịch vụ; nông nghiệp 01 dịch vụ; lao động 01 dịch vụ).

- Đưa vào vận hành Hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, thuế, thu phạt xử lý vi phạm hành chính và các nghĩa vụ tài chính khác trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công. Hiện nay, đã thực hiện tích hợp để nộp phí, lệ phí dịch vụ hành chính công tại An Giang; nộp lệ phí trước bạ ô tô, xe gắn máy tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh; nộp phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường bộ tại 05 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Bình Thuận); thực hiện nộp thuế cá nhân, thuế doanh nghiệp, thuế môn bài trực tuyến trên toàn quốc.

- Tổng số hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia là 13.681 hồ sơ, trong đó có 02 dịch vụ công có số lượng hồ sơ trực tuyến lớn được

thực hiện từ Công Dịch vụ công Quốc gia là: Thông báo hoạt động khuyến mại (9.246 hồ sơ) và Đổi giấy phép lái xe (gần 3.000 hồ sơ). Kết quả đạt được như trên là vì những dịch vụ công này đã được tái cấu trúc quy trình để tạo thuận lợi nhiều hơn so với cách giải quyết trước đây (cho phép lựa chọn đổi giấy phép lái xe ở nơi sinh sống, học tập, làm việc; cho phép giải quyết một lúc hồ sơ chương trình khuyến mại tại nhiều địa phương ở mức độ 4) và thường xuyên có hướng dẫn thủ tục, cũng như hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện.

b) Tồn tại, hạn chế

Tình trạng từ chối hồ sơ ký số hay yêu cầu bổ sung hồ sơ không rõ lý do (như tỉnh Sóc Trăng có 05 hồ sơ thông báo hoạt động khuyến mại yêu cầu bổ sung hồ sơ nhưng không nêu lý do) đã giảm nhưng việc chậm xử lý kỹ thuật đường truyền, nhất là các vấn đề liên quan đến máy chủ bảo mật SS của bộ, địa phương nên vẫn còn xảy ra tình trạng có thời điểm việc gửi, nhận hồ sơ trực tuyến đến các bộ, địa phương còn chưa thông suốt. Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm để thực hiện tiếp nhận, xử lý các hồ sơ trực tuyến nên đến nay vẫn có tình trạng hồ sơ chưa hoặc chậm được giải quyết. Ví dụ, đến nay, còn 2.839 hồ sơ thông báo hoạt động khuyến mại chưa được xử lý (*phụ lục kèm theo*).

3. Chuẩn hóa, công khai thủ tục hành chính

a) Kết quả thực hiện

- Đã tập trung chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã chuẩn hóa, công khai 6.956 thủ tục hành chính, trong đó cắt giảm, bãi bỏ 544 thủ tục hành chính hết hiệu lực, trùng lặp so với trước.

- Đã xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật hơn 10.000 câu hỏi và trả lời các vướng mắc thường gặp trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc công bố, công khai thủ tục hành chính của một số bộ, ngành còn chậm nên ảnh hưởng đến việc địa phương hóa, công bố, công khai của địa phương không kịp thời theo đúng quy định.

- Một số tính năng của phần mềm cập nhật, quản lý dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính cần tiếp tục hoàn thiện để thân thiện, thuận lợi hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người sử dụng.

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

a) Kết quả thực hiện

- Đã tiếp nhận, xử lý 4.558 phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia, trong đó có 1.677 phản ánh, kiến nghị của người dân và 2.856 phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Đã tiếp nhận và giải đáp vướng mắc cho 6.000 cuộc gọi tới Tổng đài 18001096.

b) Tồn tại, hạn chế

- Việc vận hành Hệ thống phản ánh, kiến nghị của một số bộ, địa phương còn lúng túng do chưa nghiên cứu kỹ hướng dẫn quản lý, vận hành Hệ thống đã được Văn phòng Chính phủ tập huấn và đăng tải trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Một số bộ, ngành, địa phương còn chưa quan tâm đến việc xử lý các phản ánh, kiến nghị dẫn đến còn có phản ánh, kiến nghị còn chậm trễ được giải quyết.

5. Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật

a) Kết quả thực hiện

- Kết nối với Hệ thống chứng thư số chuyên dùng của Ban Cơ yếu Chính phủ để thực hiện định danh, xác thực cho cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước để tăng cường mức độ bảo mật và đảm bảo việc quản lý tập trung, thống nhất, có sự phân cấp theo thẩm quyền trong các cơ quan, cán bộ, công chức khi vận hành các hệ thống công nghệ thông tin do Văn phòng Chính phủ xây dựng; đồng thời, cũng tạo điều kiện cho người sử dụng các hệ thống chỉ cần một tài khoản có thể thực hiện nhiều hệ thống theo phân quyền, tránh một người phải nhớ nhiều tài khoản, mật khẩu.

- Đã hoàn thành phân hệ quản trị Cổng Dịch vụ công Quốc gia để thực hiện quản trị, giám sát việc vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Đang phối hợp với bộ, ngành, địa phương thiết lập hệ thống đầu mối kỹ thuật để kịp thời xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh về hạ tầng kỹ thuật khi quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số địa phương chưa quan tâm xử lý kịp thời các sự cố, lỗi kỹ thuật nguyên nhân từ địa phương nên đôi khi vận hành hệ thống chưa thông suốt, hiệu quả.

II. VỀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Một số địa phương (tỉnh Thái Bình, thành phố Hồ Chí Minh) nêu nguyên nhân tỷ lệ sai mã thủ tục hành chính và mã hồ sơ lớn là do Cổng dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử đã được xây dựng từ trước khi Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành nên cần có thời gian để hoàn chỉnh, đồng bộ. Đồng thời, đề nghị Văn phòng Chính phủ chỉ đạo bộ phận kỹ thuật, phối hợp với bộ, địa phương để thực hiện.

Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau: Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định mã hồ sơ thủ tục hành chính nhằm bảo đảm tính duy nhất của 01 hồ sơ trên toàn quốc phục vụ việc tra cứu; đồng thời, bảo đảm việc tích hợp thông suốt thông tin giữa các hệ thống thông tin trên toàn quốc. Do đó, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, hoàn chỉnh Cổng dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh để tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Văn phòng Chính phủ đã thiết lập các nhóm hỗ trợ trực tuyến đối với từng bộ, ngành, tỉnh, thành phố, đề nghị các bộ, ngành, địa phương liên hệ và trao đổi với các nhóm kỹ thuật này để được hỗ trợ.

2. Một số địa phương đề nghị được cấp tài khoản quản trị để theo dõi, đơn đốc tình hình, kết quả xử lý hồ sơ của địa phương.

Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau: Tài khoản quản trị hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia đã được Văn phòng Chính phủ hoàn thành việc xây dựng. Thời gian tới, căn cứ trên danh sách đầu mối kỹ thuật mà các bộ, ngành, địa phương gửi, Văn phòng Chính phủ sẽ cấp quyền quản trị để bộ, ngành, địa phương thực hiện. Đồng thời, để đảm bảo vận hành thông suốt hệ thống, đề nghị đầu mối kỹ thuật các bộ, ngành, địa phương thường xuyên kiểm tra tin nhắn, email để kịp thời phối hợp khắc phục các sự cố.

3. Một số địa phương đề nghị các bộ, ngành kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đồng thời, đề nghị Văn phòng Chính phủ có văn bản chấn chỉnh các bộ, ngành công bố, công khai chậm hoặc không công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý như: Bộ Nội vụ (lĩnh vực thi đua khen thưởng), Bộ Tư pháp (lĩnh vực thừa phát lại),...

Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP) đã quy

định rõ thời hạn, trách nhiệm công bố, công khai thủ tục hành chính. Tuy nhiên, thời gian qua, còn có một số bộ, ngành công bố, công khai chậm hoặc chưa đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Theo đó, đối với những vấn đề đã được phát hiện qua rà soát, kiểm tra hoặc kiến nghị của địa phương, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản đôn đốc, yêu cầu các bộ, ngành thực hiện công bố, công khai theo đúng quy định. Để công tác này được thực hiện nghiêm, có hiệu quả, đề nghị các địa phương chủ động phối hợp với Văn phòng Chính phủ kịp thời phát hiện các bộ, ngành, các thủ tục hành chính còn công bố, công khai chậm hoặc chưa đáp ứng theo đúng yêu cầu để có giải pháp tháo gỡ.

4. Một số địa phương (Tây Ninh, Quảng Bình,...) đề nghị có tập huấn hướng dẫn trực tiếp địa phương về hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, cũng như một số hệ thống khác của Cổng Dịch vụ công Quốc gia vì tập huấn trực tuyến nhiều nội dung không thể giải đáp kỹ để các đơn vị nghiên cứu, thực hiện.

Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau: Việc tập huấn đã được Văn phòng Chính phủ tổ chức tại Hội nghị trực tuyến; đồng thời, tài liệu hướng dẫn đã được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Thời gian tới, Văn phòng Chính phủ sẽ nghiên cứu để thực hiện tập huấn theo cụm nhằm bảo đảm việc triển khai có hiệu quả các phân hệ chức năng của Cổng Dịch vụ công Quốc gia nói chung, Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị nói riêng.

5. Tỉnh Thái Bình đề nghị Văn phòng Chính phủ thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sử dụng Trục Liên thông văn bản quốc gia (VDXP) hay Trục NGSP trong việc kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ có ý kiến như sau: Tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo việc tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu dịch vụ công thực hiện thông qua Trục VDXP. Bên cạnh đó, Trục VDXP sẽ là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của Văn phòng Chính phủ xây dựng để phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thực tế, đối với các hệ thống lớn các bộ, ngành đều sử dụng Trục riêng như: Cổng một cửa quốc gia, một cửa ASEAN, kho bạc, ngân hàng, đất đai,... để đảm bảo sự ổn định, thông suốt, hiệu quả trong quá trình quản lý, vận hành. Hơn nữa, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ cũng quy định rõ Cổng Dịch vụ công Quốc gia kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Do đó, đối với việc cung cấp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đề nghị các bộ, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ theo đúng quy định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2020

1. Tập trung thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 437/TB-VPCP ngày 19 tháng 12 năm 2019, Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2020 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công người dân, doanh nghiệp. Theo đó, để làm tốt việc này, đề nghị các bộ, địa phương:

a) Khẩn trương hoàn thành kết nối, tích hợp giữa Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

b) Lựa chọn các thủ tục hành chính, dịch vụ công có đối tượng sử dụng lớn để tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

c) Kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện thanh toán các nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính, thuế, thu phạt xử lý vi phạm hành chính nhằm thúc đẩy thực hiện thành công giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

d) Chuẩn hóa thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, mã hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận, thực hiện, giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bất cập, các rào cản cho sản xuất, kinh doanh.

2. Rà soát, đưa tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đáp ứng đúng mục tiêu, yêu cầu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính làm cơ sở nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính, cán bộ, công chức theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, xử lý cán bộ, công chức không thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, nhất là các dịch vụ công đã được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Trong tháng 3 năm 2020, Văn phòng Chính phủ sẽ cấp tài khoản quản trị cho bộ, ngành, địa phương để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

4. Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục Bưu điện Trung ương, Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương và các bên liên quan bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin trong quá trình quản lý, vận hành Công Dịch vụ công Quốc gia thông suốt, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- TTgCP, các PTTg (đề b/c);
- Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các tập đoàn: EVN, VNPT;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, TTH, TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (2).HH

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized loop at the top and a long, sweeping stroke extending downwards and to the right.

Mai Tiên Dũng

Phụ lục
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ 3 THÁNG
VẬN HÀNH CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-VPCP
ngày tháng 3 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ)

Tính đến ngày 11 tháng 3 năm 2020, kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT NỐI, TÍCH HỢP

1. Các bộ, ngành

TT	Bộ, ngành	Đăng nhập một lần¹	Máy chủ bảo mật	Đồng bộ hồ sơ
1	Bộ Công an		X	
2	Bộ Quốc phòng		X	
3	Bộ Ngoại giao			
4	Bộ Nội vụ			
5	Bộ Tư pháp		X	X
6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	X	X	X
7	Bộ Tài chính	X	X	X
8	Bộ Công Thương	X	X	X
9	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	X	X	X
10	Bộ Giao thông vận tải	X	X	X
11	Bộ Xây dựng	X	X	X

¹ Tích dấu X là đã hoàn thành

12	Bộ Tài nguyên và Môi trường	X	X	X
13	Bộ Thông tin và Truyền thông		X	
14	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	X	X	X
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	X	X	X
17	Bộ Giáo dục và Đào tạo		X	
18	Bộ Y tế	X	X	X
19	Ủy ban dân tộc			
20	Ngân hàng nhà nước Việt Nam		X	X
21	Thanh tra Chính phủ			
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	X	X	X
	TỔNG HỢP	11/22	17/22	13/22

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Tỉnh/ Thành phố	Đăng nhập một lần	Máy chủ bảo mật	Đông bộ hồ sơ
	TP. Hà Nội	X	X	X
	TP. Hồ Chí Minh	X	X	X
	TP Hải Phòng	X	X	X

	An Giang	X	X	X
	Bà Rịa - Vũng Tàu		X	X
	Bạc Liêu	X	X	X
	Bắc Kạn	X	X	X
	Bắc Giang	X	X	X
	Bắc Ninh	X	X	X
	Bến Tre	X	X	X
	Bình Dương	X	X	X
	Bình Định	X	X	X
	Bình Phước	X	X	X
	Bình Thuận	X	X	X
	Cà Mau	X	X	X
	Cao Bằng	X	X	X
	TP. Cần Thơ	X	X	X
	TP. Đà Nẵng	X	X	X
	Đắk Lắk	X	X	X
	Đắk Nông	X	X	X
	Điện Biên	X	X	X
	Đồng Nai	X	X	X
	Đồng Tháp	X	X	X
	Gia Lai	X	X	X
	Hà Giang	X	X	X

	Hà Nam	X	X	X
	Hà Tĩnh	X	X	X
	Hải Dương	X	X	X
	Hòa Bình	X	X	X
	Hậu Giang	X	X	X
	Hưng Yên	X	X	X
	Khánh Hòa	X	X	X
	Kiên Giang	X	X	X
	Kon Tum	X	X	X
	Lai Châu	X	X	X
	Lào Cai	X		X
	Lạng Sơn	X	X	X
	Lâm Đồng	X	X	X
	Long An	X	X	X
	Nam Định	X	X	X
	Nghệ An	X	X	X
	Ninh Bình	X		X
	Ninh Thuận	X	X	X
	Phú Thọ	X	X	X
	Phú Yên	X	X	X
	Quảng Bình	X	X	X
	Quảng Nam	X	X	X

	Quảng Ngãi	X	X	X
	Quảng Ninh	X	X	X
	Quảng Trị	X	X	X
	Sóc Trăng	X	X	X
	Sơn La	X	X	X
	Tây Ninh	X	X	X
	Thái Bình	X	X	X
	Thái Nguyên	X	X	X
	Thanh Hóa	X	X	X
	Thừa Thiên Huế	X	X	X
	Tiền Giang	X	X	X
	Trà Vinh	X	X	X
	Tuyên Quang	X		X
	Vĩnh Long	X	X	X
	Vĩnh Phúc	X	X	X
	Yên Bái	X	X	X
	TỔNG HỢP	62/63	60/63	63/63

II. KẾT QUẢ ĐỒNG BỘ TRẠNG THÁI HỒ SƠ

1. Các bộ, ngành

TT	BỘ, CƠ QUAN	TỔNG SỐ HỒ SƠ	TỔNG HỒ SƠ CÓ CQTH* CHƯA GÁN ĐỊA CHỈ	TỔNG SAI MÃ HỒ SƠ	TỔNG SAI MÃ TTHC
----	-------------	---------------	--------------------------------------	-------------------	------------------

1.	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	1.564.445	1.551.074	0	0
2.	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	169.714	0	0	7.766
3.	Bộ Công thương	136.989	0	0	5
4.	Bộ Giao thông vận tải	4.903	303	216	0
5.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.674	0	0	0
6.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	554	554	0	31
7.	Bộ Tài chính	455	455	0	0
8.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	248	248	2	0
9.	Bộ Xây dựng	234	0	13	0
10.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	181	181	0	0
11.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	2	0	0
12.	Bộ Y tế	73	73	0	0
13.	Bộ Khoa học và Công nghệ	11	3	0	4
14.	Bộ Tư pháp	8	4	0	4

* CQTH: cơ quan thực hiện (cập nhật trong CSDL quốc gia về TTHC)

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ HỘ SỞ	TỔNG HỘ SỞ CÓ CQTH CHƯA GÁN ĐỊA CHỈ	TỔNG SAI MÃ HỘ SỞ	TỔNG SAI MÃ TTHC
1.	Tỉnh Thái Nguyên	119.830	116.845	0	0
2.	Tỉnh An Giang	44.970	5	2	1.586
3.	Tỉnh Ninh Bình	36.945	98	0	20
4.	Tỉnh Khánh Hòa	35.608	0	0	13
5.	Tỉnh Đồng Nai	31.954	0	31.245	0
6.	Tỉnh Kiên Giang	28.528	1879	0	0
7.	Tỉnh Hưng Yên	27.456	0	33	15
8.	Tỉnh Đắk Lắk	26.296	0	2.244	0
9.	Tỉnh Đồng Tháp	25.305	1.180	0	0
10.	Tỉnh Yên Bái	23.936	68	0	0
11.	Tỉnh Lâm Đồng	20.677	97	3	9
12.	Tỉnh Hải Dương	19.631	0	0	22
13.	Tỉnh Hà Nam	16.750	28	196	2
14.	Thành phố Hồ Chí Minh	12.821	9.558	0	10.239
15.	Tỉnh Bình Phước	12.060	580	0	5.274
16.	Tỉnh Bắc Ninh	10.596	8.354	222	1

17.	Tỉnh Phú Thọ	10.059	0	0	1.847
18.	Tỉnh Lào Cai	9.631	7	1	0
19.	TP Đà Nẵng	9.526	39	6.693	672
20.	Thành phố Cần Thơ	9.318	65	0	0
21.	Tỉnh Bình Định	8.963	39	0	0
22.	Tỉnh Quảng Trị	7.844	5.536	0	15
23.	Tỉnh Điện Biên	7.750	955	0	0
24.	Tỉnh Tiền Giang	7.548	2	0	2
25.	Tỉnh Quảng Ngãi	7.359	0	5.298	0
26.	Tỉnh Lai Châu	7.347	0	896	65
27.	Tỉnh Bắc Giang	6.586	4.472	0	0
28.	Tỉnh Nghệ An	6.110	12	0	1
29.	Tỉnh Hậu Giang	5.556	716	1390	0
30.	Tỉnh Quảng Bình	5.488	5.043	17	0
31.	Tỉnh Thanh Hoá	5.452	338	0	4
32.	Tỉnh Nam Định	4.593	4.326	0	90
33.	Tỉnh Cà Mau	4.404	0	0	76
34.	Tỉnh Vĩnh Phúc	4.380	0	1	1.561
35.	Tỉnh Thái Bình	3.869	0	771	0
36.	Tỉnh Đắk Nông	3.735	0	1.184	1.781
37.	Tỉnh Trà Vinh	3.171	0	16	0

38.	Tỉnh Bến Tre	3.002	2.813	0	167
39.	Tỉnh Bạc Liêu	2.486	96	0	0
40.	Tỉnh Tuyên Quang	2.452	0	2.199	0
41.	Tỉnh Bình Thuận	2.331	0	0	21
42.	Tỉnh Phú Yên	2.082	0	2	0
43.	Thành phố Hà Nội	2.059	0	0	32
44.	Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.939	0	0	0
45.	Tỉnh Tây Ninh	1.789	0	0	0
46.	Tỉnh Lạng Sơn	1.600	0	0	0
47.	Tỉnh Gia Lai	1.481	944	0	7
48.	Tỉnh Cao Bằng	1.426	0	507	0
49.	Tỉnh Long An	1.347	0	11	0
50.	Tỉnh Kon Tum	1.209	0	0	0
51.	Tỉnh Sơn La	1.148	1011	8	0
52.	Thành phố Hải Phòng	1.043	259	0	0
53.	Tỉnh Sóc Trăng	963	0	0	0
54.	Tỉnh Quảng Nam	920	920	0	0
55.	Tỉnh Quảng Ninh	746	0	0	273
56.	Tỉnh Bắc Kạn	527	0	0	1

57.	Tỉnh Hòa Bình	467	0	0	16
58.	Tỉnh Hà Tĩnh	456	0	0	1
59.	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	420	0	0	0
60.	Tỉnh Bình Dương	249	249	0	0
61.	Tỉnh Vĩnh Long	183	0	0	0
62.	Tỉnh Hà Giang	132	0	0	0
63.	Tỉnh Ninh Thuận	110	110	0	0

III. KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN

(Đối với thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại)

STT	Sở công thương	Tổng số hồ sơ chưa xử lý
1	Sở Công Thương - TP Hà Nội	142
2	Sở Công Thương - TP Hải Phòng	112
3	Sở Công Thương - TP Đà Nẵng	5
4	Sở Công Thương - TP.HCM	1
5	Sở Công Thương - Thành phố Cần Thơ	25
6	Sở Công Thương - Tỉnh Bình Dương	174
7	Sở Công Thương - Tỉnh Bạc Liêu	144
8	Sở Công Thương - Tỉnh Bắc Giang	10
9	Sở Công Thương - Tỉnh Cao Bằng	1
10	Sở Công Thương - Tỉnh Cà Mau	124
11	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Giang	114
12	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Nam	18
13	Sở Công Thương - Tỉnh Hà Tĩnh	85
14	Sở Công Thương - Tỉnh Hòa Bình	39
15	Sở Công Thương - Tỉnh Hưng Yên	4

16	Sở Công Thương - Tỉnh Hải Dương	1
17	Sở Công Thương - Tỉnh Hậu Giang	10
18	Sở Công Thương - Tỉnh Lai Châu	5
19	Sở Công Thương - Tỉnh Lào Cai	6
20	Sở Công Thương - Tỉnh Lâm Đồng	5
21	Sở Công Thương - Tỉnh Nghệ An	11
22	Sở Công Thương - Tỉnh Ninh Thuận	17
23	Sở Công Thương - Tỉnh Phú Thọ	5
24	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Ninh	125
25	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Trị	25
26	Sở Công Thương - Tỉnh Sóc Trăng	3
27	Sở Công Thương - Tỉnh Sơn La	1
28	Sở Công Thương - Tỉnh Thanh Hóa	130
29	Sở Công Thương - Tỉnh Thái Bình	69
30	Sở Công Thương - Tỉnh Trà Vinh	5
31	Sở Công Thương - Tỉnh Tuyên Quang	123
32	Sở Công Thương - Tỉnh Vĩnh Long	108
33	Sở Công Thương - Tỉnh Đắk Lắk	1
34	Sở Công Thương - Tỉnh Đồng Tháp	122
35	Sở Công Thương - tỉnh An Giang	10
36	Sở Công Thương - tỉnh BR-VT	1
37	Sở Công Thương - tỉnh Bình Phước	15
38	Sở Công Thương - tỉnh Bình Thuận	25
39	Sở Công Thương - tỉnh Bình Định	5
40	Sở Công Thương - tỉnh Bắc Kạn	13
41	Sở Công Thương - tỉnh Bắc Ninh	127
42	Sở Công Thương - tỉnh Bến Tre	24
43	Sở Công Thương - tỉnh Gia Lai	20
44	Sở Công Thương - tỉnh Khánh Hòa	16
45	Sở Công Thương - tỉnh Kiên Giang	76
46	Sở Công Thương - tỉnh Kon Tum	1
47	Sở Công Thương - tỉnh Long An	58

48	Sở Công Thương - tỉnh Lạng Sơn	2
49	Sở Công Thương - tỉnh Nam Định	36
50	Sở Công Thương - tỉnh Phú Yên	144
51	Sở Công Thương - tỉnh Quảng Bình	30
52	Sở Công Thương - tỉnh Quảng Ngãi	146
53	Sở Công Thương - tỉnh Thái Nguyên	25
54	Sở Công Thương - tỉnh Thừa Thiên Huế	38
55	Sở Công Thương - tỉnh Tây Ninh	144
56	Sở Công Thương - tỉnh Vĩnh Phúc	16
57	Sở Công Thương - tỉnh Yên Bái	12
58	Sở Công Thương - tỉnh Điện Biên	17
59	Sở Công Thương - tỉnh Đắk Nông	1
60	Sở Công Thương - tỉnh Đồng Nai	3
61	Sở Công Thương - Tỉnh Quảng Nam	52
62	Sở Công Thương Tiền Giang	8
63	Sở Công Thương - tỉnh Ninh Bình	4
	Tổng số	2839